UBND HUYỆN CỦ CHI **PHÒNG TÀI CHÍNH – KẾ HOẠCH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số : 391/ TCKH Về việc thực hiện mẫu biểu quyết toán ngân sách địa phương năm 2024	*Củ Chi, ngày 24 tháng 3 năm 2025*

Kính gửi:

- Các đơn vị dự toán sử dụng ngân sách huyện;
- Các đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo chi thường xuyên trên địa bàn huyện;
- Tòa án Nhân dân huyện;
- Bảo hiểm xã hội huyện;
- Ban chỉ huy Quân sự huyện.

Để có cơ sở báo cáo Sở Tài chính Thành phố về quyết toán ngân sách địa phương năm 2024 đối với huyện Củ Chi, Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện đề nghị các cơ quan, đơn vị khẩn trương thực hiện báo cáo theo các biểu mẫu đính kèm. Cụ thể:

- Các đơn vị dự toán sử dụng ngân sách huyện: Mẫu 66, Mẫu 69, Mẫu 54, Mẫu 56, Mẫu 57, Mẫu 61; Mẫu 63; Mẫu 64; Báo cáo thu khác, chi khác; Báo cáo quyết toán kinh phí bổ sung từ ngân sách cấp trên; Báo cáo nguồn và tình hình sử dụng nguồn CCTL năm 2024; Thuyết minh báo cáo tài chính; Báo cáo tình hình sử dụng các khoản bổ sung có mục tiêu từ ngân sách thành phố cho ngân sách huyện năm 2024 (bao gồm nguồn năm trước chuyển sang); Tổng hợp đối tượng, kinh phí chi trả thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 08/2023/NQ-HĐND; Thống kê tình hình chi Nghị quyết 08/2023/NQ-HĐND đối với đối tượng Hợp đồng theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP năm 2024;

- Các đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo chi thường xuyên trên địa bàn huyện: Mẫu 64; Báo cáo nguồn và tình hình sử dụng nguồn CCTL năm 2024; Tổng hợp đối tượng, kinh phí chi trả thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 08/2023/NQ-HĐND đối với đối tượng Hợp đồng theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP năm 2024.

- Các đơn vị ngành dọc: Mẫu 54, Mẫu 56, Mẫu 57.

(Đính kèm chi tiết phân công thực hiện và mẫu biểu)

Thời gian gửi báo cáo về Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện **trước ngày 03 tháng 4 năm 2025.**

Đề nghị Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị quan tâm chỉ đạo các bộ phận liên quan thực hiện báo cáo đúng thời gian quy định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Đ/c Quốc Hưng-CT.UBND huyện (thay báo cáo);
- Lưu:VT,P.TCKH.2.NTNMai.130.

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ HOẠCH
H. CỦ CHI - TP. HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Thị Đẹp

PHÒNG
TÀI CHÍNH-
KẾ HOẠCH

BẢNG PHÂN CÔNG MẪU BIỂU THỰC HIỆN QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2024

(Đính kèm Công văn số 391/TCKH ngày 24 tháng 3 năm 2025)

STT	Mẫu biểu báo cáo	Nội dung	HCSN	Phân công đơn vị thực hiện
1	Mẫu biểu số 66	Thuyết minh tăng, giảm chi quản lý hành chính, Đảng, đoàn thể năm…	x	- Khối QLNN (Phòng ban chuyên môn huyện); - Khối đoàn thể huyện
2	Mẫu biểu số 69	Báo cáo tình hình kiểm toán, thanh tra năm…	x	Các đơn vị dự toán sử dụng ngân sách huyện
3	Mẫu biểu số 54	Quyết toán chi ngân sách cấp tỉnh (huyện, xã) cho từng cơ quan, tổ chức theo lĩnh vực năm…	x	- Các đơn vị dự toán sử dụng ngân sách huyện; - Tòa án Nhân dân huyện; - Bảo hiểm xã hội huyện; - Ban chỉ huy Quân sự huyện.
4	Mẫu biểu số 56	Quyết toán chi thường xuyên của ngân sách cấp tỉnh (huyện, xã) cho từng cơ quan, tổ chức theo lĩnh vực năm….	x	
5	Mẫu biểu số 57	Quyết toán chi thường xuyên của ngân sách cấp tỉnh (huyện, xã) cho từng cơ quan, tổ chức theo nguồn vốn năm….	x	
6	Mẫu biểu số 61	Quyết toán chi chương trình mục tiêu quốc gia năm…	x	- Phòng Y tế
7	Mẫu biểu số 63	Tổng hợp các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do địa phương quản lý năm….	x	Các đơn vị dự toán sử dụng ngân sách huyện
8	Mẫu biểu số 64	Tổng hợp thu dịch vụ của đơn vị sự nghiệp công năm…(không bao gồm nguồn ngân sách nhà nước)	x	Các đơn vị sự nghiệp (bao gồm: Ban Quản lý chợ Củ Chi; Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng khu vực huyện; Ban Bồi Thường GPMB huyện; Đội Quản Lý Bến Xe Củ Chi)
9		Báo cáo thu khác, chi khác	x	Các đơn vị dự toán sử dụng ngân sách huyện
10	CCTL	Báo cáo nguồn và tình hình sử dụng nguồn CCTL năm 2024	x	- Các đơn vị dự toán sử dụng ngân sách huyện; - Các đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên: + Ban Quản lý chợ Củ Chi; + Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng khu vực huyện; + Ban Bồi Thường GPMB huyện; + Đội Quản Lý Bến Xe Củ Chi
11		Thuyết minh báo cáo tài chính	x	Các đơn vị dự toán sử dụng ngân sách huyện
12	BSCMT	Báo cáo tình hình sử dụng các khoản bổ sung có mục tiêu từ ngân sách thành phố cho ngân sách huyện năm 2024 (bao gồm nguồn năm trước chuyển sang)	x	Các đơn vị dự toán sử dụng ngân sách huyện
13	Nghị quyết 08	Tổng hợp đối tượng, kinh phí chi trả thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 08/2023/NQ-HĐND năm 2024	x	- Các đơn vị dự toán sử dụng ngân sách huyện; - Các đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên: + Ban Quản lý chợ Củ Chi; + Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng khu vực huyện; + Ban Bồi Thường GPMB huyện; + Đội Quản Lý Bến Xe Củ Chi
14	Nghị quyết 08 - HĐ111/68	Thống kê tình hình chi Nghị quyết 08/2023/NQ-HĐND đối với đối tượng Hợp đồng theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP năm 2024	x	
15		Báo cáo quyết toán KP SNGD (Ngân sách- Sự nghiệp); Phân bổ/ Dự toán	x	- Các đơn vị sự nghiệp giáo dục và đào tạo huyện; - Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện

PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ HOẠCH HUYỆN

PHÒNG
TÀI CHÍNH -
KẾ HOẠCH

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI
ĐƠN VỊ:.....PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ HOẠCH.....

NĐ 31/2017/NĐ-CP-Biểu mẫu số 54

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH (HUYỆN, XÃ) CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2024

(Dùng cho ngân sách các cấp chính quyền địa phương)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán năm 2024 (Bao gồm số năm trước chuyển sang và bổ sung trong năm)			Quyết toán năm 2024									So sánh (%)		
		Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay (2)	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính (2)	Chi chương trình MTQG			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên
										Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên				
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	TỔNG SỐ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		#DIV/0!	
I	Chi ngân sách huyện	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		#DIV/0!	
I.1	Các đơn vị sử dụng ngân sách huyện	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
a	Khối Mầm non	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
b	Khối Tiểu học	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
c	Khối THCS	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
d	Khối trực thuộc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
e	Khối sự nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
f	Khối Quản lý Nhà nước	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		-	
g	Khối Đảng, Đoàn thể	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
I.2	Các Hội đặc thù	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			-	
I.3	Các đơn vị hỗ trợ ngành dọc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			-	
I.4	Hỗ trợ khác (LCT)	-	-		-	-		-	-	-	-	-			#DIV/0!	

Củ Chi, ngày tháng năm 2025

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

КЕНЮСИ
ЛАТИНИ
СИНОНЕ

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI
ĐƠN VỊ:.....

NĐ 31/2017/NĐ-CP-Biểu mẫu số 56

QUYẾT TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN CỦA NGÂN SÁCH CẤP TỈNH (HUYỆN, XÃ) CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2024

(Dùng cho ngân sách các cấp chính quyền địa phương)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán	Quyết toán	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	*Trong đó*		Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi khác	Chi đầu tư khác	So sánh (%)
													Chi giao thông	*Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản*					
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18= 2/1
	TỔNG SỐ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	#DIV/0!
I	Chi ngân sách huyện	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	#DIV/0!
I.1	Các đơn vị sử dụng ngân sách huyện	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	#DIV/0!
a	Khối Mầm non	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	#DIV/0!
b	Khối Tiểu học	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	#DIV/0!
c	Khối THCS	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		-	#DIV/0!
d	Khối trực thuộc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		-	#DIV/0!
e	Khối sự nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	#DIV/0!
f	Khối Quản lý nhà nước	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	#DIV/0!
g	Khối đảng, đoàn thể	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	#DIV/0!
I.2	Các hội đặc thù	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	#DIV/0!
I.3	Các đơn vị hỗ trợ ngành dọc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	#DIV/0!
I.4	Hỗ trợ khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	#DIV/0!

Củ Chi, ngày tháng năm 2025

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI
ĐƠN VỊ: .....

NĐ 31/2017/NĐ-CP-Biểu mẫu số 57

TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CỦA TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO NGUỒN VỐN NĂM 2024

(Dùng cho ngân sách các cấp chính quyền địa phương)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán được cấp	Bao gồm			Kinh phí thực hiện trong năm	Nguồn còn lại	Trong đó	
			Dự toán đầu năm (bao gồm năm trước chuyển sang)	Bổ sung trong năm (nếu có)	Giảm trừ trong năm (nếu có)			Chuyển nguồn năm sau	Hủy bỏ
A	B	1=2+3-4	2	3	4	5	6=1-5	7	8
	TỔNG SỐ	-	-	-	-	-	-	-	-
I	KHỐI QLNN	-	-	-	-	-	-	-	-
II	KHỐI ĐOÀN THỂ	-	-	-	-	-	-	-	-
*	Các Hội đặc thù	-	-	-	-	-	-	-	-
III	KHỐI SỰ NGHIỆP	-	-	-	-	-	-	-	-
IV	AN NINH - QUỐC PHÒNG	-	-	-	-	-	-	-	-
I.3	CÁC ĐƠN VỊ HỖ TRỢ NGÀNH DỌC	-	-	-	-	-	-	-	-
V	KHỐI MẦM NON	-	-	-	-	-	-	-	-
VI	KHỐI TIỂU HỌC	-	-	-	-	-	-	-	-
VII	KHỐI TRỰC THUỘC	-	-	-	-	-	-	-	-
VIII	KHỐI THCS	-	-	-	-	-	-	-	-
IX	Chi ủy thác qua ngân hàng chính sách	-					-		-

Củ Chi, ngày tháng năm 2025

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

ЖЕНСКИЙ ПОЛУСТАНОК

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI
ĐƠN VỊ:.....

NĐ 31/2017/NĐ-Biểu mẫu số 61

QUYẾT TOÁN CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2024

(Dùng cho ngân sách các cấp chính quyền địa phương)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung (1)	Dự toán				Quyết toán											So sánh (%)			
		Tổng số	Trong đó		...	Tổng số	Trong đó		Chương trình mục tiêu quốc gia							...	Tổng số	Trong đó		...
									Tổng số	Chi đầu tư phát triển			Kinh phí sự nghiệp							
										Tổng số	Chia ra		Tổng số	Chia ra				Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	
			Đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp			Đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp			Vốn trong nước	Vốn ngoài nước		Vốn trong nước	Vốn ngoài nước					
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16=5/1	17=6/2	18=7/3	19=8/4
1	**Huyện Củ Chi**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	#DIV/0!		#DIV/0!	
1.1	**Phòng Y tế**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-				
	CTMT DSKHHGĐ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-				
	Chăm sóc sức khỏe ban đầu người cao tuổi	-	-		-	-	-	-	-	-	-	-	-		-	-				
1.2	**Phòng LĐ-TBXH**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-				
	CT Đào tạo nghề lao động nông thôn	-	-		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-				
1.3	**Ban An toàn giao thông** (Công an huyện)	-	-		-	-	-	-	-	-	-	-	-		-	-	#DIV/0!		#DIV/0!	

Củ Chi, ngày tháng năm 2025

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

ХЕ, НОЙСН
ТЕ, СИМИ-
БИСИЕ

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI
ĐƠN VỊ:.....

NĐ 31/2017/NĐ-Biểu mẫu số 63

TỔNG HỢP CÁC QUỸ TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC NGOÀI NGÂN SÁCH DO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ NĂM 2024

(Dùng cho ngân sách các cấp chính quyền địa phương)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên Quỹ	Dư nguồn đến ngày 31/12/2023 (năm trước)	Kế hoạch năm 2024				Thực hiện năm 2024				Dư nguồn đến 31/12/2024
			Tổng nguồn vốn phát sinh trong năm		Tổng sử dụng nguồn vốn trong năm	Chênh lệch nguồn trong năm	Tổng nguồn vốn phát sinh trong năm		Tổng sử dụng nguồn vốn trong năm	Chênh lệch nguồn trong năm	
			Tổng số	Trong đó: Hỗ trợ từ NSĐP (nếu có)			Tổng số	Trong đó: Hỗ trợ từ NSĐP (nếu có)			
A	B	1	2	3	4	5=2-4	6	7	8	9=6-8	10=1+6-8
1											
2											

Củ Chi, ngày tháng năm 2025

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

КЕНОСИ - ТАТ СИНИ - ФНОРС

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI

NĐ 31/2017/NĐ-Biểu mẫu số 64

ĐƠN VỊ:.....

TỔNG HỢP THU DỊCH VỤ CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG NĂM 2024
(KHÔNG BAO GỒM NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC)
(Dùng cho ngân sách các cấp chính quyền địa phương)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024	So sánh (%)
A	B	1	2	3=2/1
	TỔNG SỐ	**0**	**0**	**#DIV/0!**
1	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	0	0	#DIV/0!
-	*Sự nghiệp giáo dục*	*0*	*0*	*#DIV/0!*
	KHỐI MẦM NON	**0**	**0**	**#DIV/0!**
	KHỐI TIỂU HỌC	**0**	**0**	**#DIV/0!**
	KHỐI THCS	**0**	**0**	**#DIV/0!**
-	*Sự nghiệp đào tạo và dạy nghề*			*#DIV/0!*
2	**Sự nghiệp khoa học và công nghệ**	-	-	
3	**Sự nghiệp y tế**	-	-	
4	**Sự nghiệp văn hóa thông tin**	**0**	**0**	**#DIV/0!**
5	**Sự nghiệp phát thanh truyền hình**			**#DIV/0!**
6	**Sự nghiệp thể dục thể thao**			**#DIV/0!**
7	**Sự nghiệp kinh tế**	**0**	**0**	**#DIV/0!**

Củ Chi, ngày tháng năm 2025

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

PHÒNG
TÀI CHÍNH -
KẾ HOẠCH

UBND HUYỆN CỦ CHI
ĐƠN VỊ:.....

TT342/2016/TT-BTC-Mẫu biểu số 66

THUYẾT MINH TĂNG, GIẢM CHI QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ NĂM 2024

(Dùng cho cơ quan tài chính cấp dưới báo cáo cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp)

Đơn vị: triệu đồng

	Nội dung	Tổng số	Trong đó		Ghi chú
			NS cấp huyện	NS xã	
A	B	1=2+3	2	3	5
	Số quyết toán chi tăng, giảm so với dự toán	-	-	-	
1	Do chính sách thay đổi	-	-	-	
	- Phụ cấp đặc biệt	-	-	-	
	- Phụ cấp khu vực	-	-	-	
2	Nhiệm vụ chi đột xuất được bổ sung	-	-	-	
	Khối QLNN	-	-	-	
		-			
		-	0		
		-			
	Khối Đoàn thể	-			
3	Tăng, giảm biên chế so với dự toán	-	-	-	
	- Số biên chế tăng, giảm	-	-	-	
	Khối QLNN	-		-	
	Khối Đoàn thể	-	-	-	
	- Số kinh phí tăng, giảm	-	-	-	
	Khối QLNN	-		-	
	Khối Đoàn thể	-	-	-	
4	.....	-	-	-	
	Khối QLNN	-			
	Khối Đoàn thể	-			
5	.....	-	-	-	
	Khối QLNN	-	-		
	Khối Đảng, Đoàn thể	-	-		
6	Mua sắm tài sản	-		-	
	Trong đó: - Số ô tô	-	-	-	
	- Số kinh phí	-	-	-	
7	Sửa chữa trụ sở làm việc	-	-	-	

Ghi chú: Trường hợp (giảm) thì ghi số âm (có dấu trừ ở trước)

Củ Chi, ngày tháng năm 2025

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

PHÒNG
TÀI CHÍNH -
KẾ HOẠCH

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI
ĐƠN VỊ:.....

TT342/2016/TT-BTC-Mẫu biểu số 69

BÁO CÁO TÌNH HÌNH KIỂM TOÁN, THANH TRA NĂM 2025

(Dùng đơn vị dự toán cấp I các cấp báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp; UBND cấp dưới báo cáo cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Số kiến nghị của		Số xử lý năm 2024		Số tồn tại chưa xử lý		Ghi chú
		Thanh tra	Kiểm toán	Thanh tra	Kiểm toán	Thanh tra	Kiểm toán	
I	**Kiến nghị của kiểm toán, thanh tra các năm trước còn tồn tại chưa xử lý**	-	-	-	-	-	-	
1	Các khoản thu phải nộp ngân sách	-	-	-	-	-	-	
	- Các khoản thuế kiến nghị tăng thu	-	-	-	-	-	-	
	- Các khoản phí, lệ phí	-	-	-	-	-	-	
	- Các khoản tồn đọng	-	-	-	-	-	-	
2	Các khoản ghi thu, ghi chi vào ngân sách	-	-	-	-	-	-	
	Chi tiết:....	-	-	-	-	-	-	
	....	-	-	-	-	-	-	
3	Số chi sai chế độ phải xuất toán	-	-	-	-	-	-	
a	Nộp trả ngân sách:	-	-	-	-	-	-	
	Trong đó: - Xây dựng cơ bản	-	-	-	-	-	-	
	- Chi thường xuyên	-	-	-	-	-	-	
b	Cơ quan tài chính giảm trừ cấp phát	-	-	-	-	-	-	
	Trong đó: - Xây dựng cơ bản	-	-	-	-	-	-	
	- Chi thường xuyên	-	-	-	-	-	-	
	Giảm giá trị trúng thầu, giá trị hợp đồng (XDCB)	-	-	-	-	-	-	

STT	Nội dung	Số kiến nghị của		Số xử lý năm 2024		Số tồn tại chưa xử lý		Ghi chú
		Thanh tra	Kiểm toán	Thanh tra	Kiểm toán	Thanh tra	Kiểm toán	
	Xử lý tài chính khác	-	-	-	-	-	-	
4	Bổ sung quyết toán ngân sách năm nay	-	-	-	-	-	-	
	Trong đó: - Xây dựng cơ bản	-	-	-	-	-	-	
	- Chi thường xuyên	-	-	-	-	-	-	
II	**Kiến nghị của kiểm toán, thanh tra năm nay**							
1	Các khoản thu phải nộp ngân sách	-	-	-	-	-	-	
	Chi tiết:	-	-	-	-	-	-	
	- Các khoản thuế kiến nghị tăng thu	-		-	-	-	-	
	- Điều chỉnh giảm lỗ của các doanh nghiệp	-		-	-	-	-	
	- Các khoản phí, lệ phí	-	-	-	-	-	-	
	- Các khoản tồn đọng	-	-	-	-	-	-	
2	Các khoản ghi thu, ghi chi vào ngân sách	-	-	-	-	-	-	
	Chi tiết:	-	-	-	-	-	-	
	...	-	-	-	-	-	-	
3	Số chi sai chế độ phải xuất toán	-	-	-	-	-	-	
a	Nộp trả ngân sách:	-	-	-	-	-	-	
	Trong đó: - Xây dựng cơ bản	-		-	-	-	-	
	- Chi thường xuyên	-	-	-	-	-	-	
b	Cơ quan tài chính giảm trừ cấp phát	-	-	-	-	-	-	
	Trong đó: - Xây dựng cơ bản	-	-	-	-	-	-	
	- Chi thường xuyên	-	-	-	-	-	-	
4	Chuyển quyết toán ngân sách năm sau	-	-	-	-	-	-	

STT	Nội dung	Số kiến nghị của		Số xử lý năm 2024		Số tồn tại chưa xử lý		Ghi chú
		Thanh tra	Kiểm toán	Thanh tra	Kiểm toán	Thanh tra	Kiểm toán	
	Trong đó: - Xây dựng cơ bản	-	-	-	-	-	-	
	- Chi thường xuyên	-	-	-	-	-	-	
5	Thu hồi, nộp ngân sách các khoản chi sai quy định	-	-	-	-	-	-	
	- Xây dựng cơ bản	-		-	-	-	-	
6	Thu hồi kinh phí thừa	-	-	-	-	-	-	
	- Xây dựng cơ bản	-		-	-	-	-	
7	Thu hồi, nộp khác	-	-	-	-	-	-	
	Thu thanh lý tài sản chờ xử lý từ trước năm 2020	-		-	-	-	-	
	Phí thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật tồn nhiều năm trước	-		-	-	-	-	
	Kinh phí phòng chống thiên tai dư từ các năm trước	-		-	-	-	-	
	SC Đường Nguyễn Văn Khạ (đoạn từ Quốc lộ 22 đến căn cứ Đồng Dù	-		-	-	-	-	
	Đầu tư mở rộng nâng cấp đạt chuẩn Trường THPT Phú Hòa	-		-	-	-	-	
8	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau	-	-	-	-	-	-	
	Trong đó: - Xây dựng cơ bản	-		-	-	-	-	
	- Chi thường xuyên	-		-	-	-	-	
III	**Các vấn đề khác liên quan cần giải trình**							

Củ Chi, ngày tháng năm 2025

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

SOLICITORS & MARTIN LTD
LEEDS

ĐƠN VỊ:.....

BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG CÁC KHOẢN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ CHO NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2024

Đvt: Đồng

STT	Nội dung	Văn bản pháp lý	UBND huyện phân bổ	Nguồn năm trước chuyển sang			Kinh phí Thành phố bổ sung trong năm	Kinh phí quyết toán trong năm	Nguồn chuyển năm sau để tiếp tục thực hiện nhiệm vụ			Kinh phí còn thừa nộp hoàn trả NSTP	Nguyên nhân sử dụng không hết kinh phí
				Tổng số	Từ nguồn chi chuyển nguồn năm trước chuyển sang	Từ nguồn tồn trong kết dư NSQH			Tổng cộng	Chi chuyển nguồn sang năm sau sử dụng	Kinh phí còn tồn trong kết dư NSQH		
1	**Về bổ sung kinh phí để giải quyết các tồn đọng liên quan kinh phí phục vụ công tác phòng, chống dịch COVID-19, kinh phí hỗ trợ lực lượng tuyến đầu và kinh phí hỗ trợ người dân bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19**	Quyết định số 6093/QĐ-UBND ngày 30/12/2023 của UBND Thành phố	19874/QĐ-UBND ngày 30/12/2023 của UBND huyện	**1.354.500.000**	1.354.500.000	-	-	-	-		-	**1.354.500.000**	
2	**Bổ sung có mục tiêu kinh phí ATGT**	Quyết định số 5758/QĐ-UBND ngày 12/12/2023 của UBND Thành phố	19209/QĐ-UBND ngày 19/12/2023 của UBND huyện	-	-	-	**800.000.000**		-	-	-	**800.000.000**	
3	**Về bổ sung kinh phí để triển khai thực hiện các hạng mục, hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông**	Quyết định số 1497/QĐ-UBND ngày 03/05/2024 của UBND Thành phố		-			**20.105.500.000**	0	**0**	**0**	**0**	**20.105.500.000**	
	Thực hiện Dự án Đầu tư nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin tại UBND huyện		4388/QĐ-UBND ngày 27/05/2024 của UBND huyện	-			8.400.000.000		-			8.400.000.000	
	Hệ thống quản lý thông tin trên địa bàn trên nền công nghệ số - ứng dụng công nghệ GIS		7083/QĐ-UBND ngày 27/05/2024 của UBND huyện	-			1.913.500.000		-	-		1.913.500.000	
	Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin tại UBND huyện			-			5.020.500.000		-	-		5.020.500.000	
	Tạo lập dữ liệu số hóa văn bản, tài liệu, hồ sơ tại UBND huyện			-			4.771.500.000		-			4.771.500.000	
4	**Về bổ sung dự toán kinh phí chăm lo Tết Giáp Thìn năm 2024**	Quyết định số 2488/QĐ-UBND ngày 08/07/2024 của UBND Thành phố	5652/QĐ-UBND ngày 18/07/2024 của UBND huyện	-			**5.241.300.000**	0	**0**	**0**	**0**	**5.241.300.000**	
	Thanh tra huyện			-			18.000.000		-			18.000.000	
	Phòng Tài nguyên - Môi trường			-			39.600.000		-			39.600.000	
	Phòng Tư pháp			-			18.000.000		-			18.000.000	
	Đội Quản lý Trật tự đô thị			-			68.400.000		-			68.400.000	
	Phòng Quản lý đô thị			-			37.800.000		-			37.800.000	
	Phòng Giáo dục - Đào tạo			-			37.800.000		-			37.800.000	
	Hội Nông dân			-			16.200.000		-			16.200.000	
	Hội Cựu chiến binh			-			7.200.000		-			7.200.000	
	Hội Liên hiệp Phụ nữ			-			18.000.000		-			18.000.000	
	Kho bạc Nhà nước Củ Chi			-			36.000.000		-			36.000.000	
	Phòng Nội vụ			-			30.600.000		-			30.600.000	
	Công an huyện			-			1.427.400.000		-			1.427.400.000	
	Văn phòng HĐND và UBND			-			68.400.000		-			68.400.000	
	Hội Chữ Thập đỏ			-			7.200.000		-			7.200.000	
	UBMTTQ			-			18.000.000		-			18.000.000	
	Phòng Kinh tế			-			23.400.000		-			23.400.000	
	Huyện đoàn			-			18.000.000		-			18.000.000	
	Chi cục Thống kê			-			9.000.000		-			9.000.000	
	Viện Kiểm sát nhân dân			-			46.800.000		-			46.800.000	
	Chi cục Thi hành án Dân sự			-			50.400.000		-			50.400.000	
	Chi cục thuế			-			144.000.000		-			144.000.000	
	BHXH huyện			-			68.400.000		-			68.400.000	
	Ban Chỉ huy Quân sự			-			54.000.000		-			54.000.000	
	Tòa án nhân dân			-			81.000.000		-			81.000.000	
	Phòng Y tế			-			19.800.000		-			19.800.000	
	Phòng Tài chính - Kế hoạch			-			45.000.000		-			45.000.000	
	Phòng Văn hóa - Thông tin			-			14.400.000		-			14.400.000	
	Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội (Trạm Y tế xã, thị trấn)			-			105.000.000		-			105.000.000	
	Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội (trẻ em mồ côi, khó khăn)			-			1.584.700.000		-			1.584.700.000	

STT	Nội dung	Văn bản pháp lý	UBND huyện phân bổ	Nguồn năm trước chuyển sang			Kinh phí Thành phố bổ sung trong năm	Kinh phí quyết toán trong năm	Nguồn chuyển năm sau để tiếp tục thực hiện nhiệm vụ			Kinh phí còn thừa nộp hoàn trả NSTP	Nguyên nhân sử dụng không hết kinh phí
				Tổng số	Từ nguồn chi chuyển nguồn năm trước chuyển sang	Từ nguồn tồn trong kết dư NSQH			Tổng cộng	Chi chuyển nguồn sang năm sau sử dụng	Kinh phí còn tồn trong kết dư NSQH		
	Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội (178 ấp, khu phố)			-			890.000.000		-			890.000.000	
	Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội (21 xã, thị trấn)			-			210.000.000		-			210.000.000	
	Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội (CBCC)			-			28.800.000		-			28.800.000	
5	**Về bổ sung kinh phí để thực hiện khám sức khỏe, phát hiện sớm bệnh không lây nhiễm ở người cao tuổi**	Quyết định số 4434/QĐ-UBND ngày 07/10/2024 của UBND Thành phố	11043/QĐ-UBND ngày 04/11/2024 của UBND huyện	-			**7.019.642.800**		-			**7.019.642.800**	
6	**Về bổ sung kinh phí thực hiện chính sách đặc thù chăm lo, hỗ trợ người cao tuổi, trẻ em mồ côi và những đối tượng có hoàn cảnh khó khăn theo Nghị quyết số 35/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố**	Quyết định số 5118/QĐ-UBND ngày 11/11/2024 của UBND Thành phố	12781/QĐ-UBND ngày 13/12/2024 của UBND huyện	-			**1.327.698.000**	0	0	0	0	**1.327.698.000**	
	Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội			-			1.175.148.000					1.175.148.000	
	Phòng Giáo dục - Đào tạo			-			152.550.000		-	-	-	152.550.000	
7	**Về bổ sung kinh phí để thực hiện chính sách đặc thù theo Nghị quyết số 36/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND Thành phố**	Quyết định số 5471/QĐ-UBND ngày 29/11/2023 của UBND Thành phố	12776/QĐ-UBND ngày 13/12/2024 của UBND huyện	-	-	-	**7.512.810.000**	-	-			**7.512.810.000**	
	THCS Tân Phú Trung			-			831.400.000		-			831.400.000	
	THCS Bình Hòa			-			388.920.000		-			388.920.000	
	THCS Hòa Phú			-			288.540.000		-			288.540.000	
	THCS Nguyễn Văn Xơ			-			227.040.000		-			227.040.000	
	THCS Nhuận Đức			-			150.890.000		-			150.890.000	
	THCS Phạm Văn Cội			-			201.730.000		-			201.730.000	
	THCS Phú Hòa Đông			-			417.780.000		-			417.780.000	
	THCS Phú Mỹ Hưng			-			127.710.000		-			127.710.000	
	THCS Phước Hiệp			-			195.100.000		-			195.100.000	
	THCS Phước Thạnh			-			329.340.000		-			329.340.000	
	THCS Phước Vĩnh An			-			312.060.000		-			312.060.000	
	THCS Thị Trấn Củ Chi			-			301.100.000		-			301.100.000	
	THCS Tân An Hội			-			313.300.000		-			313.300.000	
	THCS Tân Thạnh Tây			-			198.900.000		-			198.900.000	
	THCS Trung An			-			226.900.000		-			226.900.000	
	THCS An Phú			-			137.120.000		-			137.120.000	
	THCS Tân Tiến			-			296.460.000		-			296.460.000	
	THCS Thị Trấn 2			-			427.210.000		-			427.210.000	
	THCS Tân Thông Hội			-			426.320.000		-			426.320.000	
	THCS An Nhơn Tây			-			320.210.000		-			320.210.000	
	THCS Tân Thạnh Đông			-			671.280.000		-			671.280.000	
	THCS Trung Lập			-			315.590.000		-			315.590.000	
	THCS Trung Lập Hạ			-			154.270.000		-			154.270.000	
	TH - THCS Tân Trung			-			253.640.000		-			253.640.000	
	Tổng cộng			**1.354.500.000**	**1.354.500.000**	-	**42.006.950.800**	-	-	-	-	**43.361.450.800**	

ĐƠN VỊ:.....

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ HOẠCH
H. CỦ CHI - T.P HỒ CHÍ MINH

TÌNH HÌNH THEO DÕI NGUỒN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG NĂM 2024 (ĐƠN VỊ DỰ TOÁN VÀ NGÂN SÁCH PHƯỜNG - XÃ, THỊ TRẤN)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Nguồn kinh phí thực hiện CCTL năm 2024								Nhu cầu thực hiện CCTL thực tế năm 2024																											
		Tổng nguồn	Nguồn CCTL năm 2023 chuyển sang năm 2024	Trong đó		Nguồn 10% tăng thu chi thường xuyên năm 2023	Nguồn CCTL phải trích lập từ nguồn thu được để lại năm 2024	Nguồn CCTL tăng thêm năm 2024 so với dự toán năm 2023	Nguồn CCTL được huyện bổ sung	Tổng nhu cầu	Nhu cầu thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở theo ND số 24/2023/ND-CP và ND số 73/2024/ND-CP (850ngđ)	Trong đó				Nhu cầu thực hiện chính sách tinh giản biên chế (nếu có) (bao gồm CS nghỉ hưu trước tuổi và hỗ trợ thêm của Thành phố)	Trong đó		Nhu cầu chi PC ưu đãi nghề y tế theo ND số 05/2023/ND-CP	Trong đó		Nhu cầu chi chế độ thu hút đối với người nghỉ hưu giữ chức danh LĐ Đặt đặc thù	Nhu cầu chi từ Quỹ tiền thưởng 6 tháng cuối năm 2024	Thu nhập tăng thêm theo NQ08 năm 2023 chuyển sang 2024 mới thực hiện chi	Trong đó		Thu nhập tăng thêm theo NQ08 năm 2024	Trong đó		Trợ cấp theo QĐ 167/QĐ-UBND của Thủ tướng Chính phủ, Trợ cấp thôi việc do dôi dư theo NQ 106/2020/NQ-HĐND	Nguồn CCTL còn thừa chuyển sang năm 2025	Trong đó	
				Nguồn CCTL từ ngân sách	Nguồn CCTL từ nguồn thu							Nguồn CCTL từ ngân sách	Trong đó: Nguồn 13	Trong đó: Nguồn 12	Nguồn CCTL từ nguồn thu		Nguồn CCTL từ ngân sách	Nguồn CCTL từ nguồn thu		Nguồn CCTL từ ngân sách	Nguồn CCTL từ nguồn thu				Nguồn CCTL từ ngân sách	Nguồn CCTL từ nguồn thu		Nguồn CCTL từ ngân sách	Nguồn CCTL từ nguồn thu				Nguồn CCTL từ ngân sách	Nguồn CCTL từ nguồn thu	
1	2	3=4+...+8	4=4a+4b	4a	4b	5	6	7	8	9=10+...+17	10=10a+10b	10a=10a'+10a"	10a'	10a"	10b	11=11a+11b	11a	11b	12=12a+12b	12a	12b	13	14	15=15a+15b	15a	15b	16=16a+16b	16a	16b	17	18	19	20
	TỔNG CỘNG (I+II)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
I	KHU VỰC HCSN, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Sự nghiệp giáo dục và đào tạo	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	- Giáo dục	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Mầm Non	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Khối Tiểu học	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-						-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Khối trung học cơ sở	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-						-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	-Khuyết tật; GD phổ thông khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-						-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Đào tạo khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-						-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	SN Y tế	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Sự nghiệp khoa học - công nghệ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-						-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4	Sự nghiệp Văn hóa Thông tin	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
5	Sự nghiệp Phát thanh truyền hình																																
6	Sự nghiệp Thể dục - Thể thao	-	-																														
7	Sự nghiệp đảm bảo xã hội	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-						-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
8	Hoạt động kinh tế	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-						-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
9	Sự nghiệp môi trường	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-						-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
10	Quản lý Nhà nước, đảng đoàn thể	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-						-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	- Quản lý nhà nước	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-						-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	- Đoàn thể	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-						-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
II	Hội đặc thù	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-						-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Củ Chi, ngày tháng năm 2025

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

UY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI
ĐƠN VỊ:.....

PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ HOẠCH

TỔNG HỢP ĐỐI TƯỢNG, KINH PHÍ CHI TRẢ THU NHẬP THU THÊM THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 08/2023/NQ-HĐND
NĂM 2024

1 Chi thu nhập tăng thêm theo NQ08 trong năm 2024 (bao gồm chi NQ08 quý 4/2023):

STT	Nội dung	Tổng kinh phí chi thu nhập tăng thêm theo NQ08	Quý I/2024				Quý II/2024				Quý III/2024				Quý IV/2024				Chi thu nhập tăng thêm theo NQ08 năm 2023 nhưng chi trong niên độ năm 2024				Ghi chú
			Tổng số người được hưởng	Kinh phí hỗ trợ TNTT theo NQ08			Tổng số người được hưởng	Kinh phí hỗ trợ TNTT theo NQ08			Tổng số người được hưởng	Kinh phí hỗ trợ TNTT theo NQ08			Tổng số người được hưởng	Kinh phí hỗ trợ TNTT theo NQ08			Tổng số người được hưởng	Kinh phí hỗ trợ TNTT theo NQ08			
				Tổng cộng	Nguồn CCTL (NS)	Nguồn CCTL (SN)		Tổng cộng	Nguồn CCTL (NS)	Nguồn CCTL (SN)		Tổng cộng	Nguồn CCTL (NS)	Nguồn CCTL (SN)		Tổng cộng	Nguồn CCTL (NS)	Nguồn CCTL (SN)		Tổng cộng	Nguồn CCTL (NS)	Nguồn CCTL (SN)	
1	*2*	*3=5+7+9+11+13*	*4*	*5*	*5a*	*5b*	*6*	*7*	*7a*	*7b*	*8*	*9*	*9a*	*9b*	*10*	*11*	*11a*	*11b*	*12*	*13*	*13a*	*13b*	*14*
1	Công chức - viên chức - hợp đồng tập sự	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Hợp đồng theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Khác																						
	Tổng cộng (1+2+3)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Chi tiết từng khối, sự nghiệp																						
1.	Khối Quản lý NN - đoàn thể	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.1	Công chức - viên chức - hợp đồng tập sự	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Khối Quản lý NN	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Khối Đoàn thể	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.2	Hợp đồng theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Khối Quản lý NN	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Khối Đoàn thể	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.	Sự nghiệp giáo dục	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.1	Công chức - viên chức - hợp đồng tập sự	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Mầm Non	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Tiểu học	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Trung học cơ sở	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Khuyết tật; GD phổ thông khác	-	-	-	-	-	-	-				-			-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Đào tạo khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.2	Hợp đồng theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Mầm Non	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Tiểu học	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Trung học cơ sở	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Khuyết tật; GD phổ thông khác	-	-	-	-	-	-	-				-			-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Đào tạo khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			-	-	-	-	-	-	-	-	-
3.	Sự nghiệp y tế	-	-	-	-	-	-	-	-			-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3.1	Công chức - viên chức - hợp đồng tập sự	-	-	-	-	-	-	-				-			-	-	-	-	-	-	-	-	-
3.2	Hợp đồng theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP	-	-	-	-	-	-	-				-			-	-	-	-	-	-	-	-	-
4.	Sự nghiệp văn hóa - thể thao	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4.1	Công chức - viên chức - hợp đồng tập sự	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4.2	Hợp đồng theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
5.	Sự nghiệp khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
5.1	Công chức - viên chức - hợp đồng tập sự	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
5.2	Hợp đồng theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
6.	Khối phường																			0			

2 Chi thu nhập tăng thêm theo NQ08 năm 2024 nhưng chi trong niên độ năm 2025:

STT	Nội dung	Tổng kinh phí chi thu nhập tăng thêm theo NQ08	Quý I/2024				Quý II/2024				Quý III/2024				Quý IV/2024			
			Tổng số người được hưởng	Kinh phí hỗ trợ TNTT theo NQ08			Tổng số người được hưởng	Kinh phí hỗ trợ TNTT theo NQ08			Tổng số người được hưởng	Kinh phí hỗ trợ TNTT theo NQ08			Tổng số người được hưởng	Kinh phí hỗ trợ TNTT theo NQ08		
				Tổng cộng	Nguồn CCTL (NS)	Nguồn CCTL (SN)		Tổng cộng	Nguồn CCTL (NS)	Nguồn CCTL (SN)		Tổng cộng	Nguồn CCTL (NS)	Nguồn CCTL (SN)		Tổng cộng	Nguồn CCTL (NS)	Nguồn CCTL (SN)
1	*2*	*3=5+7+9+11*	*4*	*5*	*5a*	*5b*	*6*	*7*	*7a*	*7b*	*8*	*9*	*9a*	*9b*	*10*	*11*	*11a*	*11b*
1	Công chức - viên chức - hợp đồng tập sự	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Hợp đồng theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Khác																	
	Tổng cộng (1+2+3)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Chi tiết từng khối, sự nghiệp																	
1.	Khối Quản lý NN - đoàn thể	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.1	Công chức - viên chức - hợp đồng tập sự	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Khối Quản lý NN	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Khối Đoàn thể	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.2	Hợp đồng theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Khối Quản lý NN	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Khối Đoàn thể	-	-	-	-	-	-	-	-	-	- 1	-	-	-	-	-	-	-

2.	Sự nghiệp giáo dục	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.1	Công chức - viên chức - hợp đồng tập sự	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Mầm Non	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Tiểu học	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Trung học cơ sở	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Khuyết tật; GD phổ thông khác	-	-	-	-	-	-	-				-		-	-	-	-
	Đào tạo khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		-	-	-	-
2.2	Hợp đồng theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Mầm Non	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Tiểu học	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Trung học cơ sở	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Khuyết tật; GD phổ thông khác	-	-	-	-	-	-	-				-		-	-	-	-
	Đào tạo khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		-	-	-	-
3.	Sự nghiệp y tế	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3.1	Công chức - viên chức - hợp đồng tập sự																
3.2	Hợp đồng theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP																
4.	Sự nghiệp văn hóa - thể thao	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4.1	Công chức - viên chức - hợp đồng tập sự	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4.2	Hợp đồng theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
5.	Sự nghiệp khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
5.1	Công chức - viên chức - hợp đồng tập sự	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
5.2	Hợp đồng theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
6.	Khối phường																

3 Các đơn vị chưa chi thu nhập tăng thêm theo NQ08 năm 2024 (tính đến tháng 4/2025)(nếu có):

Đvt: triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng kinh phí chi thu nhập tăng thêm theo NQ08	Quý I/2024				Quý II/2024				Quý III/2024				Quý IV/2024			
			Tổng số người được hưởng	Kinh phí hỗ trợ TNTT theo NQ08			Tổng số người được hưởng	Kinh phí hỗ trợ TNTT theo NQ08			Tổng số người được hưởng	Kinh phí hỗ trợ TNTT theo NQ08			Tổng số người được hưởng	Kinh phí hỗ trợ TNTT theo NQ08		
				Tổng cộng	Nguồn CCTL (NS)	Nguồn CCTL (SN)		Tổng cộng	Nguồn CCTL (NS)	Nguồn CCTL (SN)		Tổng cộng	Nguồn CCTL (NS)	Nguồn CCTL (SN)		Tổng cộng	Nguồn CCTL (NS)	Nguồn CCTL (SN)
1	*2*	*3=5+7+9+11*	*4*	*5*	*5a*	*5b*	*6*	*7*	*7a*	*7b*	*8*	*9*	*9a*	*9b*	*10*	*11*	*11a*	*11b*
1	Công chức - viên chức - hợp đồng tập sự	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Hợp đồng theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Khác																	
	Tổng cộng (1+2+3)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Chi tiết từng khối, sự nghiệp																	
1.	Khối Quản lý NN - đoàn thể	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Công chức - viên chức - hợp đồng tập sự	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Khối Quản lý NN	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Khối Đoàn thể	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Hợp đồng theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Khối Quản lý NN	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Khối Đoàn thể	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.	Sự nghiệp giáo dục	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Công chức - viên chức - hợp đồng tập sự	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Mầm Non	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Tiểu học	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Trung học cơ sở	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Khuyết tật; GD phổ thông khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Đào tạo khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Hợp đồng theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Mầm Non	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Tiểu học	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Trung học cơ sở	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Khuyết tật; GD phổ thông khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Đào tạo khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3.	Sự nghiệp y tế	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3.1	Công chức - viên chức - hợp đồng tập sự																	
3.2	Hợp đồng theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP																	
4.	Sự nghiệp văn hóa - thể thao	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4.1	Công chức - viên chức - hợp đồng tập sự	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4.2	Hợp đồng theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
5.	Sự nghiệp khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
5.1	Công chức - viên chức - hợp đồng tập sự	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
5.2	Hợp đồng theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
6.	Khối phường																	

THỐNG KÊ TÌNH HÌNH CHI CHIA SẺ NGHỊ QUYẾT 08/2023/NQ-HĐND ĐỐI VỚI ĐỐI TƯỢNG HỢP ĐỒNG THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 111/2022/NĐ-CP và HỢP ĐỒNG CHUYÊN MÔN NĂM 2024

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Tổng kinh phí chi thu nhập tăng thêm theo NQ08	Tổng số người được hưởng	Tổng kinh phí thực hiện	Trong đó: Nguồn Ngân sách	Nguồn sự nghiệp			Tổng số người được hưởng	Tổng kinh phí thực hiện	Trong đó: Nguồn Ngân sách	Nguồn sự nghiệp				Tổng số người được hưởng	Tổng kinh phí thực hiện	Trong đó: Nguồn Ngân sách	Nguồn sự nghiệp				Tổng số người được hưởng	Tổng kinh phí thực hiện	Trong đó: Nguồn Ngân sách	Nguồn sự nghiệp				Ghi chú
					Nguồn 13	Quỹ bổ sung thu nhập	Hoạt động	Khác			Nguồn 13	Quỹ bổ sung thu nhập	Quỹ bổ sung thu nhập	Hoạt động	Khác			Nguồn 13	Quỹ bổ sung thu nhập	Quỹ bổ sung thu nhập	Hoạt động	Khác			Nguồn 13	Quỹ bổ sung thu nhập	Quỹ bổ sung thu nhập	Hoạt động	Khác	
A	B	1=3+10+17+24	2	3=4+5+6+7+8	4	5	6	7	8	9	10=11+12+13+14+15	11	12	13	14	15	16	17=18+19+20+21+22	18	19	20	21	22	23	24=25+26+27+28+29	25	26	27	28	29	
1. Chi thu nhập tăng thêm theo NQ08 năm 2023 nhưng chi trong niên độ năm 2024 (nếu có):		0																												
Nhu cầu chi thu nhập tăng thêm theo NQ08			Quý I/2023							Quý II/2023							Quý III/2023							Quý IV/2023						
1	**Sự nghiệp giáo dục và đào tạo**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	- Giáo dục:	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Mầm Non	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Tiểu học	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
	Trung học cơ sở	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Khuyết tật; GD phổ thông khác	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
	Đào tạo khác	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
2.	**Sự nghiệp y tế**																														
3.	**Sự nghiệp Văn hóa Thông tin**	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
4.	**Sự nghiệp Phát thanh truyền hình**	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
5.	**Sự nghiệp Thể dục - Thể thao**	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
6.	**Hoạt động kinh tế**	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
2. Chi thu nhập tăng thêm theo NQ08 năm 2024, chi trong niên độ năm 2024:		0																												
Nhu cầu chi thu nhập tăng thêm theo NQ08			Quý I/2024							Quý II/2024							Quý III/2024							Quý IV/2024						
1	**Sự nghiệp giáo dục và đào tạo**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	- Giáo dục:	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Mầm Non	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Mầm non Tân Phú Trung 1	0		0							0							0							0						
	Tiểu học	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
	Trung học cơ sở	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Khuyết tật; GD phổ thông khác	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
	Đào tạo khác	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
2.	**Sự nghiệp y tế**																														
3.	**Sự nghiệp Văn hóa Thông tin**	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
4.	**Sự nghiệp Phát thanh truyền hình**	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
5.	**Sự nghiệp Thể dục - Thể thao**	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
6.	**Hoạt động kinh tế**	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
3. Chi thu nhập tăng thêm theo NQ08 năm 2024, nhưng chi trong niên độ năm 2025 (NS: sau thời gian chỉnh lý đến 31/3/2025):		0																												
Nhu cầu chi thu nhập tăng thêm theo NQ08			Quý I/2024							Quý II/2024							Quý III/2024							Quý IV/2024						
1	**Sự nghiệp giáo dục và đào tạo**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	- Giáo dục:	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Mầm Non	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Tiểu học	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
	Trung học cơ sở	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Khuyết tật; GD phổ thông khác	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
	Đào tạo khác	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
2.	**Sự nghiệp y tế**																														
3.	**Sự nghiệp Văn hóa Thông tin**	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
4.	**Sự nghiệp Phát thanh truyền hình**	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
5.	**Sự nghiệp Thể dục - Thể thao**	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
6.	**Hoạt động kinh tế**	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
4. Các đơn vị chưa chi thu nhập tăng thêm theo NQ08 năm 2024 tính đến tháng 4/2025 (bao gồm đã chi từ 01/4/2025 trở về sau):		0																												
Nhu cầu chi thu nhập tăng thêm theo NQ08			Quý I/2024							Quý II/2024							Quý III/2024							Quý IV/2024						
1	**Sự nghiệp giáo dục và đào tạo**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	- Giáo dục:	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Mầm Non	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Tiểu học	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
	Trung học cơ sở	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Khuyết tật; GD phổ thông khác	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
	Đào tạo khác	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
2.	**Sự nghiệp y tế**																														
3.	**Sự nghiệp Văn hóa Thông tin**	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
4.	**Sự nghiệp Phát thanh truyền hình**	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
5.	**Sự nghiệp Thể dục - Thể thao**	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
6.	**Hoạt động kinh tế**	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	

ЗА ВЯРНО С ОРИГИНАЛА